

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚC THỌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20 - 5 - 2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Sơn và ông Nguyễn Văn Học

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Mỹ Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 07/4/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Hồng M**, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện Ph, Thành phố Hà Nội; có mặt

- Bị đơn: Chị **Kiều Thị S**, sinh năm 1983. Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã L, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Chỗ ở hiện nay: Thôn X, xã X, huyện Ph, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo của nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng M trình bày: Anh M kết hôn với chị Kiều Thị S có đăng ký tại UBND xã X, huyện Ph ngày 11/3/2021. Trước đó, anh đã từng kết hôn nhưng vợ chết, còn chị S cũng đã từng kết hôn và đã ly hôn. Sau khi kết hôn, anh và chị S chung sống tại nhà riêng của anh tại thôn X, xã X. Vợ chồng chỉ chung sống thời

gian ngắn đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị S không trung thực về tài chính dẫn đến vợ chồng thiếu niềm tin với nhau. Anh và chị S đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa và xin ly hôn chị S.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn là chị Kiều Thị S trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn của chị và anh M đúng như anh M đã trình bày. Trong cuộc sống chung vợ chồng không tránh khỏi va chạm, bởi vì chị có con riêng còn nhỏ, hàng tháng ngoài việc chăm lo cuộc sống chung của gia đình mới thì chị còn có trách nhiệm với con riêng. Anh M không chia sẻ cùng với chị và nghi ngờ chị không trung thực về tài chính. Từ đó, anh M không tin tưởng chị và vợ chồng mâu thuẫn. Chị và anh M đã sống ly thân từ tháng 01/2022 cho đến nay. Anh M xin ly hôn, chị không đồng ý vì cả chị và anh M đều đã kết hôn lần 2. Chị mong anh M nghĩ lại để vợ chồng tiếp tục làm ăn, nuôi dạy các con riêng của mỗi người.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Hồng M: Anh M được ly hôn chị Kiều Thị S. Về con chung: Không có. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là anh Nguyễn Hồng M có đơn xin ly hôn chị Kiều Thị S đang sinh sống tại xã X, huyện Ph và quan hệ tranh chấp về ly hôn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ theo

quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Hồng M và chị Kiều Thị S xác lập trên cơ sở kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Ph ngày 11/3/2021 nên xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh M và chị S đều kết hôn lần hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do không tin tưởng nhau. Chị S thừa nhận vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nhưng chị không đồng ý ly hôn. Xét thấy, quan hệ vợ chồng giữa anh M và chị S không còn gắn bó, không tin tưởng nhau, vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù, chị S mong muốn vợ chồng đoàn tụ, đã xin Tòa án cho thêm thời gian để cải thiện cuộc sống không còn hạnh phúc nhưng chị cũng không đưa ra được biện pháp nào để thay đổi tình cảm và cuộc sống vợ chồng. Như vậy, hôn nhân của anh M và chị S đang tồn tại nhưng không có hạnh phúc nên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Hồng M.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị S đều xác nhận vợ chồng không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Hồng M.
 - 1.1. Anh Nguyễn Hồng M được ly hôn chị Kiều Thị S
 - 1.2. Về con chung: Không có.
 - 1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh M đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0040162 ngày 09/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph, Thành phố Hà Nội.

3. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Hiếu

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- Chi cục THADS huyện Phúc Thọ;
- TAND thành phố Hà Nội;
- UBND xã Xuân Đình, huyện Phúc Thọ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu HS, VP.

Hoàng Đức Hiếu